

<sup>きけん</sup> 危険な <sup>ばしょ</sup> 場所が <sup>たくさん</sup> たくさん あります / Many dangerous places

有很多危险场所 / Có rất nhiều nơi nguy hiểm /

Maraming lugar na mapanganib

<sup>こわ</sup> 壊れている <sup>ばしょ</sup> 場所は <sup>きけん</sup> 危険です。

<sup>ちか</sup> 近づかないでください。 <sup>ひなんじょ</sup> 避難所など、 <sup>あんぜん</sup> 安全な <sup>ばしょ</sup> 場所 <sup>い</sup> に行きましょう。

You should avoid such dangerous places and seek safety at an evacuation shelter.

受到毁坏的场所非常危险。请不要接近这些地方。请到避难所等安全的地方。

Những nơi đang bị hư hại thì nguy hiểm. Vì vậy xin quý vị đừng đến gần. Xin quý vị đi đến nơi an toàn như là trung tâm lánh nạn.

Maraming gusali at kalsada ang nasira. Ang mga lugar na sira ay mapanganib.

Huwag kayong lumapit sa mga lugar na ganito. Pumunta lamang sa mga ligtas na lugar tulad ng mga evacuation center.

<sup>ひなんじょ</sup> <sup>い</sup>  
避難所に行きましょう／Seek refuge at an evacuation shelter

请转移到避难所／ Vui lòng đến nơi lánh nạn／

Pumunta tayo sa evacuation center

<sup>いえ</sup> <sup>こわ</sup> <sup>こわ</sup> <sup>ひなんじょ</sup> <sup>い</sup>  
家が壊れたときや、壊れそうなときは、避難所に行きましょう。

<sup>と</sup> <sup>い</sup> <sup>れ</sup> <sup>ひなんじょ</sup> <sup>むりょう</sup> <sup>がいこくじん</sup> <sup>つか</sup>  
トイレがあります。避難所は無料です。外国人も使えます。

When your house has collapsed or is about to collapse, you should seek refuge at the nearest evacuation shelter.

So make sure that you go to a shelter; it is free and available for foreigners as well.

自家住房倒塌时，以及快要倒塌时，请转移到避难所进行避难。

有厕所，有睡觉的地方。避难所是免费的。外国人也可以利用。

Khi nhà cửa bị sụp đổ hay đang có nguy cơ sụp đổ thì nên đến nơi lánh nạn để tạm trú.

Có nhà vệ sinh. Nơi tránh nạn thì miễn phí. Người nước ngoài cũng có thể sử dụng.

Kung nasira ang inyong bahay o mukhang masisira, pumunta lamang sa evacuation center sa inyong lugar.

Mayroon mga kubeta. May lugar na maaaring matutulugan.

Kaya pumunta lamang sa evacuation center. Libre ang paggamit ng evacuation center.

Maaari ring gamitin ng mga dayuhan.

よしん  
余震について／Aftershocks／关于余震／Về dư chấn／

Ukol sa mga aftershock

はじめのおおじしん なまえほんしん 余震です。その後で来る地震の名前は余震です。

これからときどきおおよしん 余震があるかもしれません。

ほんしん 本震があった場所からばしよとおよしん 余震があるかもしれません。

よしん 余震にきをつけてください。

こわ いえ ちか い 余震で もっと  
壊れた家の近くに行かないでください。壊れた家が余震で もっと  
こわ 壊れるかもしれません。

がけ ちか い 余震で 崩れて たくさんの  
崖の近くに行かないでください。崖が余震で崩れて たくさんの  
つち とてもおおいし なが うえ お 落ちてきたり  
土や とても大きい石が流れてきたり 上から落ちてきたり  
するかもしれません。

おお よしん うみ ちか に 余震で  
大きい余震があったら、海の近くから逃げてください。大きい余震で

つなみ く 余震で 津波警報 と 津波注意報 で  
津波が来るかもしれません。津波が来る時、津波警報 と 津波注意報 で

し 余震で 警報 と 津波注意報 が出たら、  
お知らせします。大きい余震があって、警報 と 津波注意報 が出たら、

うみ ちか に 逃げてください。  
海の近くからすぐに逃げてください。

As you may know, a first large earthquake is called a main quake/shock. This is often followed by a subsequent quake called an aftershock. The main shock of March 11, which set a record of magnitude 9.0, was so large that aftershocks with an intensity of 5 or more on the Japanese seismic intensity have occurred 408 times in the the past month. These aftershocks occur less frequently as time goes by. However, another strong aftershock can sometimes happen in the same area, or even in a distant location.

If a strong aftershock occurs in an area strongly shaken by recent earthquakes, it may exacerbate the damage by causing houses to collapse and mudslides to happen. You should keep away from damaged houses and cliffs in the affected areas, and also stay alert for tsunami warnings and earthquake alarms, as the aftershocks can sometimes generate tsunamis.

最初发生的大地震是主震，而后所引起的地震是余震。

余震的次数随着时间的推移而逐渐减少，但今后仍有可能发生大的余震。

此外，在偏离震灾区以外的地区也会发生余震。

在由于主震和余震而引起强烈摇晃的地区，今后因余震而造成的房屋倒塌和泥沙崩塌等，可能会带来更大的灾难，请不要靠近快要倒塌的房屋及悬崖等处。

其次，大余震还会引起海啸，请密切关注政府发出的海啸警报和海啸注意警报。

Trận động đất lớn đầu tiên được gọi là trận động đất chính, những cơn động đất tiếp tục sau đó được gọi là dư chấn. Do trận động đất chính ngày 11 tháng 3 có mức độ lên tới 9.0 độ richter, vô cùng lớn do đó trong 1 tháng gần đây đã xảy ra tới 408 cơn dư chấn với cường độ trên 5 độ. Mặc dù số lượng các cơn dư chấn sẽ giảm theo thời gian, tuy nhiên tình huống cũng sẽ có những cơn dư chấn lớn. Ngoài ra, dư chấn

cũng có thể xảy ra ở những nơi xa hơn.

Tại những khu vực đã bị ảnh hưởng mạnh do động đất chính và các cơn dư chấn, có lo ngại về việc thiệt hại sẽ gia tăng do đổ nhà, sụt đất khi phát sinh dư chấn, do vậy không nên ở gần các khu nhà hoặc đồi núi có nguy cơ sụp đổ.

Ngoài ra, đi kèm với các cơn dư chấn có thể xảy ra sóng thần vì vậy nên chú ý các cảnh báo sóng thần hoặc các bản tin chú ý về sóng thần.

Ang unang malaking lindol ay ang tinatawag na pangunahing lindol, at ang mga lindol na kasunod ay tinatawag na aftershock.

Habang tumatagal, paunti ng paunti ang dumarating na aftershock, ngunit paminsan-minsan maaaring dumating pa ang malaking aftershock. Kahit sa mga malalayong lugar may posibilidad na magkaroon ng aftershock.

Iwasan ninyo ang paglapit sa mga gusaling mukhang masisira na at mga matatarik na dalisdis kung kayo'y nasa lugar na may nangyari nang malaking pangunahing lindol o aftershock, dahil maaaring gumuho ang gusali o gumuho ang lupa at lalong lulubha ang pinsala sa kapaligiran sa susunod na aftershock na darating.

Maaaring magkaroon nang tsunami dahil sa malakas na aftershock, kaya bantayan lamang ang mga *tsunami keiho* (babala para sa tsunami) at mga *tsunami chuiho* (payo para sa tsunami) na lumalabas.